

Số: 06/BC-ĐBCL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CỰU SINH VIÊN SAU 01 NĂM TỐT NGHIỆP NĂM 2023

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị.

Nội dung báo cáo:

| Mục | Nội dung |
|-----|---|
| I | Nội dung khảo sát |
| II | Thời gian và hình thức khảo sát |
| III | 1. Mô tả phiếu khảo sát |
| | 2. Kết quả khảo sát |
| IV | Nhận xét chung |

I. NỘI DUNG KHẢO SÁT.

Nội dung khảo sát bao gồm 2 nội dung chính như sau:

- Thông tin tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
- Ý kiến sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo, công tác quản lý và phục vụ đào tạo của Nhà trường.

II. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC KHẢO SÁT

1. Thời gian triển khai khảo sát:

Theo thông báo số 02/TB – ĐBCL ngày 02/11/2023 công khảo sát sẽ mở từ ngày 03/11/2023 - 30/11/2023.

2. Đối tượng

- Khảo sát CSV sau 01 năm tốt nghiệp.
- Thống kê số liệu: Có 962/4.240 CSV thực hiện khảo sát trên tổng số địa chỉ email đã gửi phiếu khảo sát; đạt tỷ lệ 22,69%.
- Theo dữ liệu CSV tốt nghiệp 4.240, tỉ lệ phản hồi 962 SV, đạt độ tin cậy 99%

3. Phương pháp

CSV trả lời Phiếu khảo sát online qua link: <http://khaosat.hcmute.edu.vn>.

III. MÔ TẢ PHIẾU KHẢO SÁT VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ THỐNG KÊ

1. Mô tả phiếu khảo sát

1.1. Thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Gồm các câu hỏi liên quan đến: nghề nghiệp hiện tại, thu nhập, mức độ đáp ứng công việc thực tế và kỹ năng tiếng Anh.

- CSV chọn phương án đã được liệt kê sẵn hoặc ghi ra ý kiến vào các ô trống.

1.2. Nhận xét của sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo

- CSV trả lời theo phương án có sẵn hoặc viết ý kiến riêng vào các ô trống.

- Các mức độ lựa chọn có 5 mức gồm:

1-Rất không đồng ý. 2-Không đồng ý. 3-Phân vân. 4-Đồng ý. 5-Hoàn toàn đồng ý

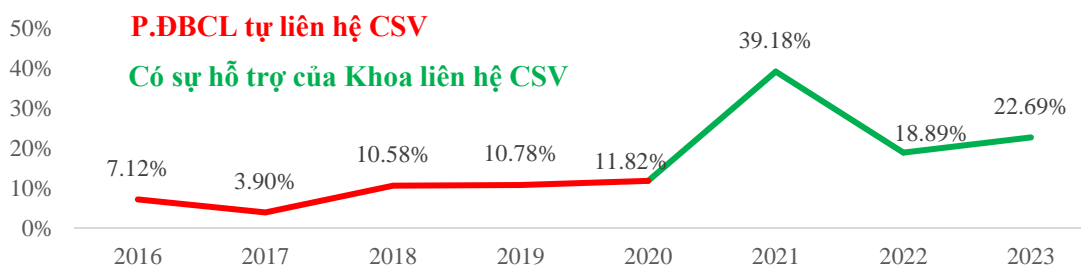
1.3. Đề xuất góp ý của CSV về chất lượng đào tạo tại trường.

- Tổng hợp ý kiến hài lòng và chưa hài lòng của sinh viên về môn học và các hoạt động khác tại trường.

- Lãnh đạo các Khoa dựa vào kết quả khảo sát đề xuất giải pháp duy trì những điểm mạnh đồng thời cải thiện những điểm còn thiếu sót trong báo cáo khảo sát CSV của Khoa.

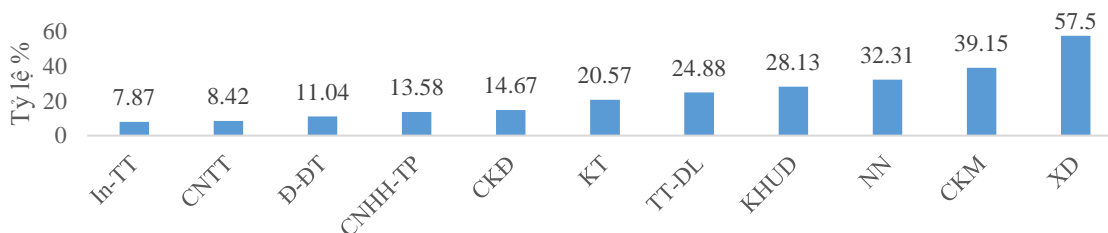
2. Kết quả khảo sát

2.1. Tổng hợp số lượng CSV của trường và các Khoa đã tham gia khảo sát



Hình 1. Tỷ lệ CSV toàn trường tham gia khảo sát giai đoạn 2016 - 2023

Biểu đồ hình 1 cho thấy CSV tham gia khảo sát có xu hướng gia tăng khi có sự hỗ trợ từ các Khoa quản ngành (từ năm 2021 – 2023) và đạt tỷ lệ cao nhất vào năm 2021: 39,17%. Tỷ lệ tham gia khảo sát cao sẽ gia tăng độ tin cậy và là nguồn dữ liệu quan trọng trong việc xây dựng mục tiêu chất lượng, đưa ra những chiến lược phù hợp với xu thế của xã hội góp phần nâng cao vị thế trên hệ thống giáo dục đại học trong và ngoài nước, nhất là trong bối cảnh hiện tại khi Nhà trường đã triển khai hoạt động xếp hạng đại học QS Ranking.

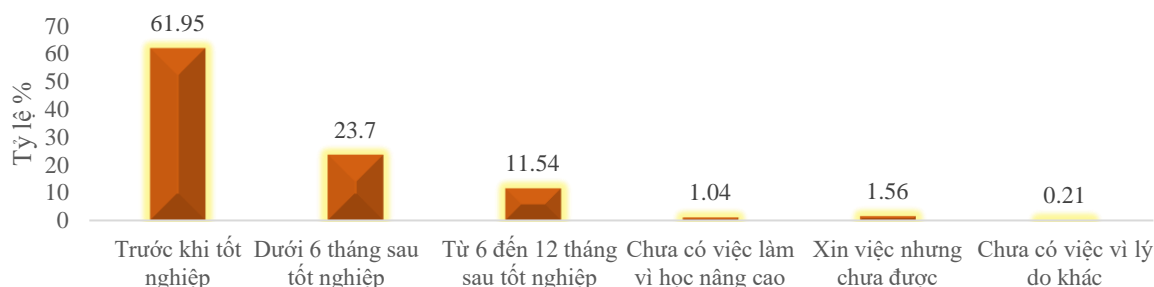


Hình 2. Tỷ lệ CSV tham gia khảo sát theo Khoa năm 2023

Khoa Xây dựng vẫn duy trì được tỉ lệ phản hồi ở mức cao nhất, đạt 57.5%; các Khoa còn lại tỉ lệ phản hồi từ 7%-39%. Trong năm 2023 K.ĐTQT không có CSV thực hiện khảo sát do có sự thay đổi trong việc tiếp nhận hệ chất lượng cao tiếng Anh về Khoa vì vậy mỗi liên hệ với cựu sinh viên còn hạn chế.

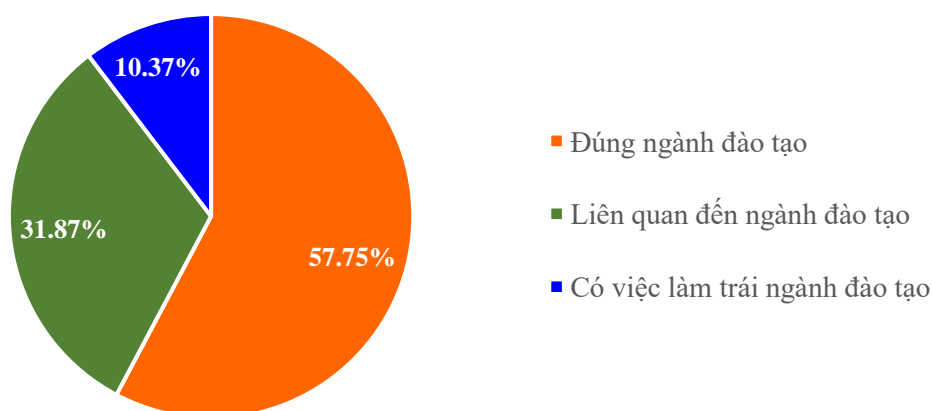
2.2. Thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Tình hình việc làm của CSV



Hình 3. Tình hình việc làm của CSV năm 2023

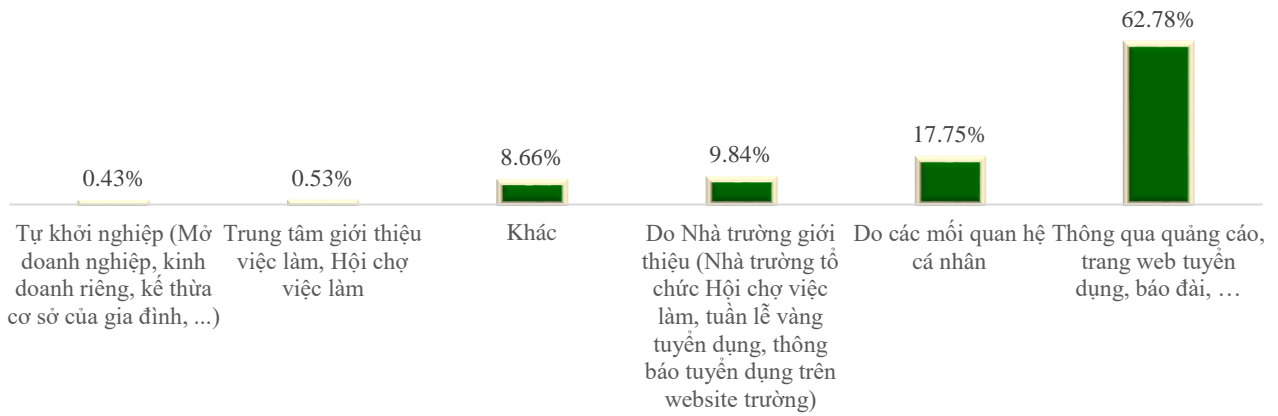
Biểu đồ hình 3 cho thấy tỷ lệ CSV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp đạt 98,23% (số liệu bao gồm SV tiếp tục học nâng cao trình độ). Tỷ lệ SV đã xin việc nhưng chưa có việc làm 1,56%. Tỷ lệ SV chưa có việc làm vì lý do khác chiếm 0.21% bao gồm: mong muốn được khởi nghiệp, ôn tập lại kiến thức tại nhà, đi nghĩa vụ quân sự...



Hình 4. Thống kê tỷ lệ việc làm đúng ngành, liên quan đến ngành và không đúng ngành

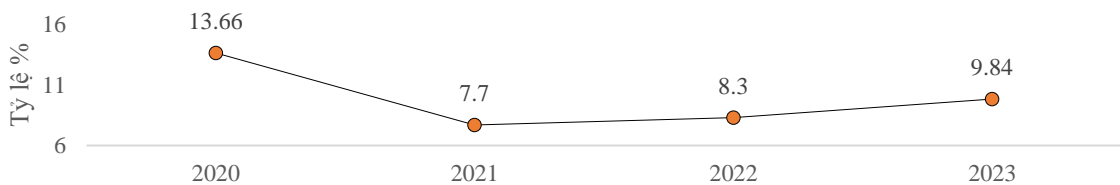
Trong 98,23% số SV đã có việc làm, tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành đạt 57.75%, SV có việc làm với ngành gần chiếm 31.87%, SV làm trái ngành chiếm tỉ lệ 10.37%.

- Kênh thông tin tìm việc



Hình 5. Các phương thức tìm việc làm

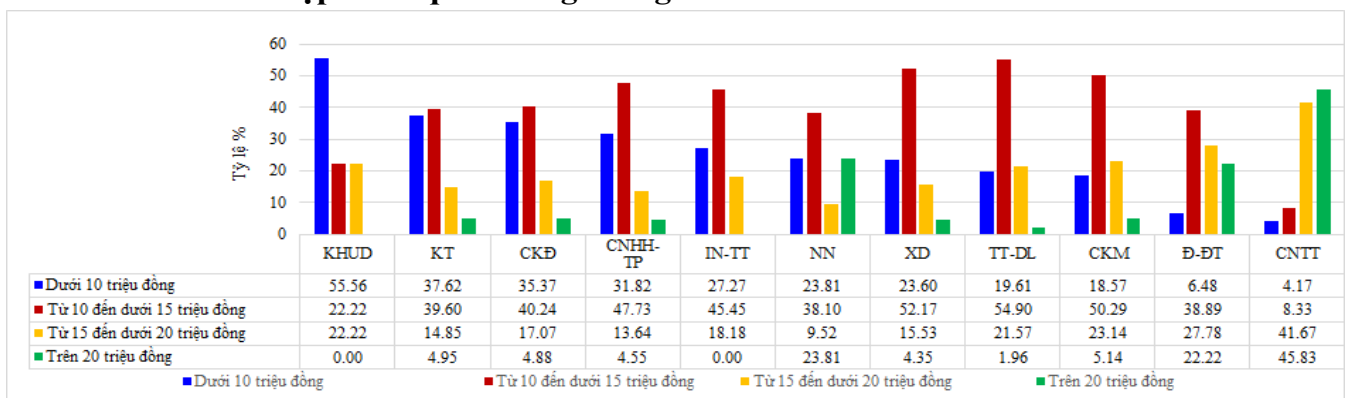
Biểu đồ hình 5 cho thấy gần 10% tổng số sinh viên có việc làm thông qua các kênh thông tin, giới thiệu, kết nối của nhà trường, tỉ lệ còn lại các em tìm việc thông qua các trang thông tin, website tuyển dụng, báo đài. Điều này thể hiện được sự chủ động của người học trong việc tìm kiếm công việc.



Hình 6. Thống kê tỷ lệ việc làm do Nhà trường giới thiệu

Ở Hình 6 P.ĐBCL thống kê tỷ lệ việc làm do Nhà trường giới thiệu qua 4 năm cho thấy tỷ lệ này vẫn còn rất thấp tuy nhiên đã có dấu hiệu tăng nhẹ từ năm 2021 đến năm 2023 (từ 7.75 lên 9.84%).

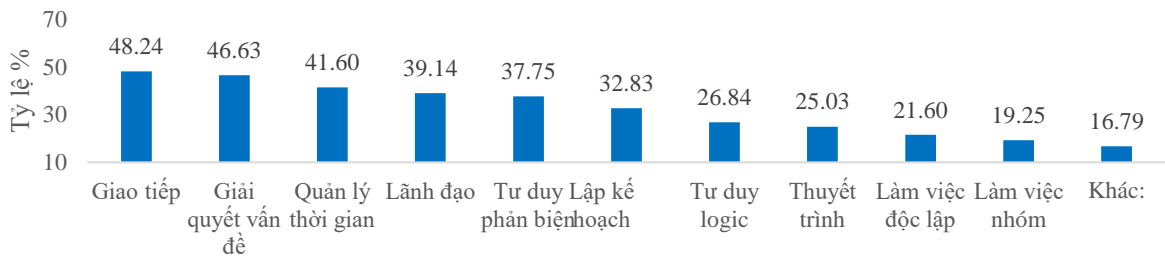
- Thu nhập bình quân hàng tháng của CSV



Hình 7. Thống kê thu nhập bình quân của CSV theo từng Khoa

Biểu đồ hình 7 thể hiện tỉ lệ cựu SV với mức lương từ 20 triệu/tháng ở Khoa CNTT đang chiếm tỉ lệ cao nhất. Cựu SV ở các Khoa còn lại đang đa phần được trả ở mức lương từ 10-15 triệu/tháng.

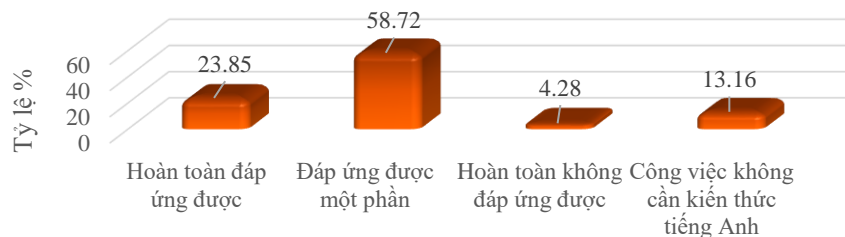
- Anh/Chị cảm thấy thiếu những kỹ năng nào khi mới đi làm



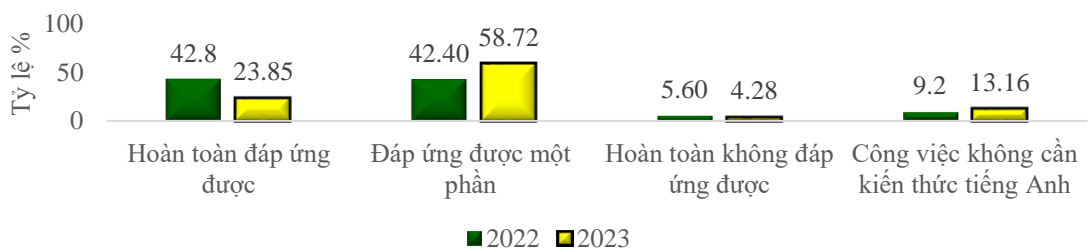
Hình 8. Biểu đồ thống kê Kỹ năng còn thiếu của CSV sau tốt nghiệp

Biểu đồ hình 8 cho thấy Cựu SV nhận xét các kỹ năng còn thiếu khi tốt nghiệp gồm: kỹ năng giao tiếp (48,24%), Kỹ năng giải quyết vấn đề (46.63%), Kỹ năng quản lý thời gian (41.60%), Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng tư duy phản biện và lập kế hoạch. Từ số liệu trên cho thấy việc tăng cường tin chỉ đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên là rất cần thiết. Để có thông tin cụ thể hơn về hiệu quả giảng dạy tích hợp các kỹ năng mềm này trong từng CTĐT, BCN các bộ môn quản ngành có thể sử dụng dữ liệu đo lường các Chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm để theo dõi các môn học đang được phân công giảng dạy và đánh giá kỹ năng mềm của SV. Từ đó sẽ có thêm các định hướng cải tiến cụ thể hơn

- Mức độ đáp ứng trình độ tiếng Anh trong công việc:



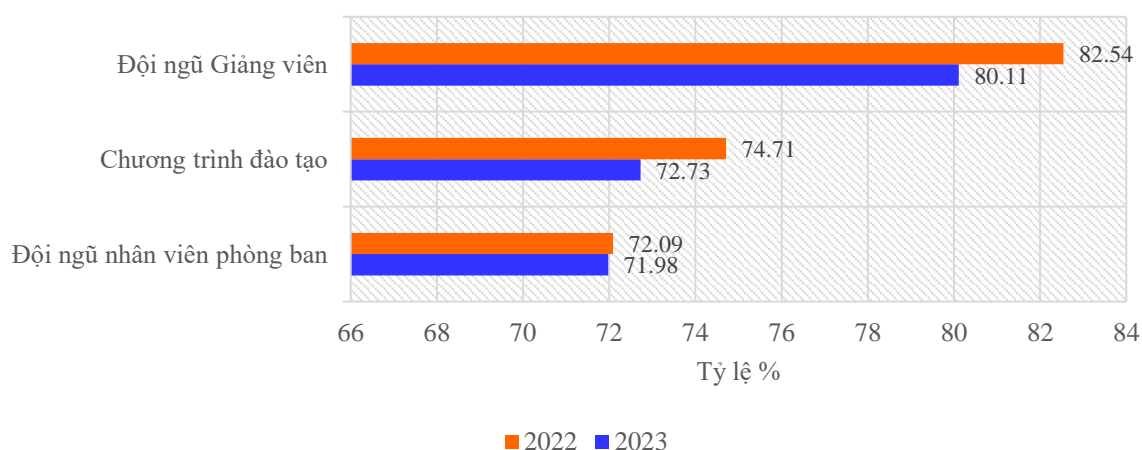
Hình 9. Khả năng đáp ứng tiếng Anh trong công việc



Hình 10. Biểu đồ so sánh số liệu Khả năng đáp ứng Tiếng Anh trong công việc năm 2022 và 2023

Hình 9 cho thấy có 23,85% sinh viên tốt nghiệp có khả năng sử dụng tiếng Anh để đáp ứng công việc, 58,72% sinh viên đáp ứng được một phần trong công việc; và có 4.28% sinh viên hoàn toàn không đáp ứng được.

2.3. Nhận xét của CSV về chuẩn đầu ra, mục tiêu và chương trình đào tạo.



Hình 11. Mức độ hài lòng của CSV về Chương trình đào tạo, Đội ngũ nhân viên và Giảng viên

Có 72.73% sinh viên đã tốt nghiệp hài lòng với chương trình đào tạo của Nhà trường, có 71.98 ý kiến của cựu sinh viên hài lòng về đội ngũ nhân viên phòng ban, 80.11% tỷ lệ hài lòng về đội ngũ giảng viên của Nhà trường. Hiện tại khảo sát cho thấy sự hài lòng về chương trình đào tạo và đội ngũ nhân viên phòng ban đang ở mức chấp nhận được vì vậy đề nghị các đơn vị khi làm việc đặc biệt là những đơn vị tiếp sinh viên lưu ý.

2.4 Góp ý của CSV về chất lượng đào tạo tại Trường

Bảng 1. Tổng hợp ý kiến đóng góp của CSV về CTĐT và các hoạt động khác

| TT | Các môn học | |
|----|--|--|
| | Thêm thời lượng (449 ý kiến) | Giảm thời lượng (255 ý kiến) |
| 1. | - Các môn cơ sở ngành, chuyên ngành. | - Các môn đại cương |
| 2. | - Các môn thực hành, thực tập, thí nghiệm. | - Các môn lý thuyết không liên quan nhiều đến chuyên ngành |
| 3. | - Các môn liên quan đến kỹ năng mềm | |
| 4. | - Anh văn | |

Bảng 1 chỉ đang tổng hợp chung nhất cho các góp ý của CSV về các môn học của toàn trường. Để có thông tin chi tiết nhất về các môn học theo từng ngành/nhóm ngành, các đơn vị đào tạo nên xem kỹ dữ liệu P.ĐBCL đã tách riêng theo từng khoa để có định hướng cải tiến cụ thể

2.5 Đề xuất của các Khoa qua báo cáo khảo sát CSV của từng đơn vị được P.ĐBCL thống kê tại Phụ lục đính kèm

IV. NHẬN XÉT CHUNG

Trong những năm học tới Khảo sát CSV sẽ tiếp tục được chuyển về cho các Khoa quản lý CTĐT triển khai, các Khoa quản ngành cần chú ý hơn về việc đưa thông tin khảo sát đến Cựu sinh viên đúng danh sách do P.ĐT cung cấp.

Theo thống kê đến 16h00 Ngày 29/12/2023 trên Link Google Drive P.ĐBCL đã nhận được báo cáo của các Khoa: hiện tại có 10/11 Khoa đã hoàn thành báo cáo riêng Khoa học ứng dụng hiện nay vẫn chưa gửi báo cáo về P.ĐBCL.

P. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu phòng ĐBCL.

PHỤ LỤC

(Đính kèm báo cáo 06/BC-ĐBCL ngày 18 tháng 01 năm 2024)

| Khoa | Đề xuất |
|-----------|---|
| K.NN | <ul style="list-style-type: none"> - Công tác của Ban đại diện cựu sinh viên cần được thực hiện tích cực, tăng kết nối giữa sinh viên đã tốt nghiệp và các bạn đang học. Nâng cao ý thức trách nhiệm đóng góp cho sự phát triển của khoa quản ngành, nhất là mảng đào tạo nhằm đem lại cho người học kết quả đào tạo tốt nhất. - Định kỳ rà soát, hiệu chỉnh chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức mới vào chương trình đào tạo. - Tăng cường trau dồi kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên trong quá trình đào tạo. |
| K.CKĐ | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên ngành CNKT Ô tô cần phải được bồi dưỡng thêm các năng lực ngoại ngữ. - Nội dung về CTĐT và nội dung giảng dạy cần liên tục cập nhật và bổ sung nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của xã hội. - Đội ngũ cán bộ giảng dạy cả về các nội dung lý thuyết và thực hành cần được đào tạo và tự đào tạo nhằm không ngừng nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn. - Các hoạt động bổ sung, sửa chữa, đầu tư về CSVC vẫn cần phải tiếp tục thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về học tập - giảng dạy và nghiên cứu khoa học. - Lắp đặt điện thoại bàn tại Khoa CKĐ để hỗ trợ giải quyết công việc |
| K.CKM | <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường mối quan hệ với các doanh nghiệp trong ngành để cung cấp nhiều cơ hội thực tập và việc làm cho sinh viên. - Định kỳ xem xét và cập nhật chương trình học để đảm bảo rằng nội dung giảng dạy luôn phản ánh xu hướng và nhu cầu hiện tại của ngành công nghiệp. Đồng thời, tăng cường tích hợp các khóa học phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng quản lý. - Tổ chức các buổi tập huấn và phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, nhằm nâng cao kỹ năng truyền đạt và áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, tương tác. - Xây dựng hệ thống đánh giá và phản hồi từ sinh viên đối với các khóa học và giảng viên, giúp khoa nhận diện và giải quyết các vấn đề kịp thời. |
| K.CNTT | <ul style="list-style-type: none"> - Cần chú trọng hơn nữa trong việc trang bị các kỹ năng mềm cho SV, đặc biệt là các kỹ năng giao tiếp và kỹ năng giải quyết vấn đề, tiếng Anh. - Đẩy mạnh công tác Đoàn – Hội, tạo cơ hội cho SV tham gia các sân chơi, CLB, đặc biệt là các hoạt động xã hội, NCKH,... - Triển khai các nội dung của học phần “Chuyên đề doanh nghiệp”, từ đó cải thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề cho SV. - Tiếp tục tìm kiếm giải pháp nâng cao trình độ tiếng Anh cho cả SV nhằm đáp ứng cao hơn nữa khả năng sử dụng tiếng Anh trong công việc. |
| K.Kinh tế | <ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh công tác Đoàn – Hội, tạo cơ hội cho SV tham gia các sân chơi, CLB, đặc biệt là các hoạt động xã hội, NCKH,... - Nâng cao trình độ tiếng Anh cho cả SV nhằm đáp ứng cao hơn nữa khả |

| | |
|----------|--|
| | năng sử dụng tiếng Anh trong công việc. |
| K.TT-DL | <ul style="list-style-type: none"> - Cần bổ sung thêm kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng làm việc chuyên nghiệp. - Bổ sung kiến thức an toàn lao động, kiểm soát chất lượng - Tiếp tục cho SV tiếp cận thực tế nhiều hơn và giáo viên phải luôn củng cố kiến thức chuyên ngành để bắt kịp thực tế - Tăng cường tiếng Anh chuyên ngành. - Cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị ngành TKTT |
| K.XD | <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát cơ sở vật chất trang thiết bị phòng thực hành, xưởng thực tập - Đổi mới phương pháp giảng dạy giúp rèn luyện kỹ năng mềm - Bổ sung môn học Kiểm soát và đảm bảo chất lượng trong CTĐT, tìm hiểu lý do chương trình đào tạo còn nhiều điểm chưa đáp ứng như mong đợi - Cần nâng cao hơn nữa khả năng nghiệp vụ của GV và tự “phục vụ” SV trong tình hình mới - Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp để SV có nhiều cơ hội tham quan, thực tập và xin việc làm |
| K.Đ-ĐT | <ul style="list-style-type: none"> - Các ngành rà soát hiệu chỉnh, cập nhật thêm những kiến thức mới nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức đầy đủ hơn. - Lồng ghép những kỹ năng mềm trong quá trình đào tạo, tăng cường những hoạt động liên quan đến kỹ năng mềm cho sinh viên trong quá trình học tập tại Khoa. |
| K.CNH-TP | <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy, cải tiến bài giảng, bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ giảng viên. - Liên quan đến chương trình đào tạo thông qua tổ chức sân chơi cho sinh viên cải thiện kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tư duy phản biện; tăng cường kỹ năng tiếng Anh cho sinh viên thông qua các sân chơi. |
| K.IN-TT | <ul style="list-style-type: none"> - Cần chú trọng cải thiện kỹ năng mềm cho SV thông qua việc thay đổi phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá. - Tăng cường tiếng Anh, giảng dạy bằng slide tiếng Anh, seminar đòi hỏi SV phải tổng hợp thông tin từ sách, bài báo tiếng Anh để giúp SV cải thiện trình độ tiếng Anh. Tăng cường đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao |
| K.KHUD | Chưa gửi báo cáo Thống kê đến 16h00 Ngày 29/12/2023 |